

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-PT

Ngày 04 - 01 - 2023

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản, yêu cầu
chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Nguyễn Thế Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Phần - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 353/2022/TLPT-DS ngày 11/11/2022 về “Tranh chấp đòi lại tài sản, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 345/2022/QĐ-PT ngày 12/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1968

2. Ông Võ Văn B, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Trần Thị N và Ông Võ Văn B: Ông Phạm Văn Y, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số xx, ấp x, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1965

2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Trần Thị P, sinh năm 1949. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Ông Trần Thành M, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

5. Ông Trần Thành L, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

6. Ông Trần Thành Đ, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

7. Ông Trần Thành N, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

8. Ông Trần Thanh S, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Trần Thị T, Trần Thị P, Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S: Ông Lê Châu T, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số 3xxE, đường Nguyễn Văn T, khu phố M, phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người kháng cáo: Bị đơn là các ông bà: Trần Thị T, Trần Thị P, Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Văn Y trình bày:

Vào ngày 02/10/2014, Bà Trần Thị N và Ông Võ Văn B được bà Trịnh Thị B (mẹ của bà N) làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 455, tờ bản đồ số 28, diện tích 845,8m², đến ngày 23/10/2014 thì bà N, ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà N, ông B đã sử dụng thửa đất 455 từ khi được bà B tặng cho. Đến tháng 4/2017 thì xảy ra tranh chấp với bà B. Ngày 08/4/2018 bà B chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm Bà Trần Thị T, Trần Thị P, Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S tiếp tục tranh chấp yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/10/2014 giữa bà B với bà N, ông B. Đến ngày 27/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 184/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 đã tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B. Sau đó

những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B kháng cáo. Tại Bản án phúc thẩm số 95/2019/DS-PT ngày 25/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 184/2018/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách. Trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm thì bà T và chồng là Ông Nguyễn Văn M vào chiếm hai phần của thửa đất tranh chấp gồm thửa 455 tách 2 (diện tích 264,7m²) và 455 còn lại (diện tích 430,8m²). Sau khi Bản án phúc thẩm số 95/2019/DS-PT ngày 25/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre có hiệu lực, bà N, ông B vào sử dụng đất thì bà T, ông M không chịu trả, còn Bà Trần Thị P và các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S có những lời lẽ chửi bới, xúc phạm ngăn cản không cho bà N, ông B vào thửa đất 455 để canh tác. Bà N, ông B có yêu cầu Cơ quan Thi hành án cưỡng chế việc giao đất nhưng do Bản án chỉ tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị B về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất; Bản án không tuyên buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B giao đất nên không thi hành được.

Vì vậy, nay bà N, ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Trần Thị T, Ông Nguyễn Văn M, Bà Trần Thị P, các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S phải tự tháo dỡ, di dời toàn bộ hàng rào, nhà kho trên đất và búng (nhỏ), di dời toàn bộ cây trồng trên hai phần của thửa đất tranh chấp gồm thửa 455 tách 2 (diện tích 264,7m²) và 455 còn lại (diện tích 430,8m²) để giao trả lại cho ông, bà sử dụng; đồng thời yêu cầu bà T, ông M và Bà Trần Thị P, các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S phải chấm dứt hành vi chửi bới, ngăn cản ông bà sử dụng thửa đất này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn Bà Trần Thị P, Trần Thị Tím và các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S và người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là Ông Lê Châu T trình bày:

Phần đất thuộc thửa đất số 455, tờ bản đồ số 28, xã Long Thới, huyện Chợ Lách là phần đất sử dụng vào việc thờ cúng ông Trần Thành T, bà Cao Thị Đ (mẹ ông T, được tặng danh hiệu “Bà Mẹ Việt Nam anh hùng”). Năm 2014 bà N lừa dối bà B lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là không đúng với quy định pháp luật. Mặc khác, nguồn gốc thửa đất số 455 là tài sản chung của vợ chồng ông Trần Thành T và Trịnh Thị B có được trong thời kỳ hôn nhân, bà B chỉ có quyền định đoạt đối với 1/2 tài sản chung. Do đó sau khi ông T chết, việc tặng cho quyền sử dụng đất phải có sự đồng ý của các đồng thừa kế của ông T. Việc bà B lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 02/10/2014 cho bà N,

ông B là không tự nguyện và không đúng với quy định pháp luật. Nếu bà B tự nguyện thì năm 2017 bà B không khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đòi bà N, ông B trả lại đất. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn đề nghị xem xét trong trường hợp phải di dời nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng trên đất thì phải hỗ trợ chi phí di dời cho bà T, ông M.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:188/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã áp dụng:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 157, 165, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 và Điều 203 của Luật đất đai 2013;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị N, Ông Võ Văn B đối với Bà Trần Thị T, Ông Nguyễn Văn M, Bà Trần Thị P, các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S về việc “Đòi lại tài sản và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất”. Cụ thể:

1.1. Buộc Bà Trần Thị T và Ông Nguyễn Văn M phải tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà kho (kết cấu khung thép, vách tole tráng kẽm, mái lợp tole tráng kẽm, không trần), hàng rào trụ bê tông gắn lưới B40 và búng, di dời toàn bộ cây trồng (gồm Mít loại 4 (02 năm tuổi): 15 cây; vú sữa loại 4: 02 cây; Nhãn loại 3: 01 cây; Xoài mới trồng (dưới 01 năm tuổi): 01 cây) và búng, tháo dỡ, di dời toàn bộ các cây trồng, hoa màu, cây kiểng khác (trừ cây măng cụt loại 1: 15 năm tuổi) và các vật kiến trúc, công trình khác (nếu có) trên hai phần của thửa đất số 455, tờ bản đồ số 28, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre [(gồm thửa 455 tách 2 (diện tích 264,7m²) và 455 còn lại (diện tích 430,8m²)] để trả lại quyền sử dụng các phần đất này cho Bà Trần Thị N và Ông Võ Văn B.

Thửa đất 455 tách 2 có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 454;
- Nam giáp thửa 455 tách 1;
- Đông giáp thửa 455 còn lại;
- Tây giáp Quốc lộ 57.

Thửa đất 455 còn lại có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 454;
- Nam giáp thửa 322;
- Đông giáp thửa 312;
- Tây giáp thửa 455 tách 2.

Có họa đồ kèm theo.

1.2. Buộc Bà Trần Thị T, Ông Nguyễn Văn M, Bà Trần Thị P, các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của Bà Trần Thị N và Ông Võ Văn B đối với thửa đất số 455, tờ bản đồ số 28, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/9/2022, các bị đơn gồm các ông bà: Trần Thị T, Trần Thị P, Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của những người kháng cáo là các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Trong trường hợp phải di dời nhà cửa, vật kiến trúc và cây trồng trên đất thì phải hỗ trợ chi phí di dời cho bà T, ông M.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của các bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự

năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của các ông bà: Trần Thị T, Trần Thị P, Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, giữa nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 188/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của những người kháng cáo; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần đất thửa 455, tờ bản đồ số 28, xã Long Thới, huyện Chợ Lách đã được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Bé và bà Trần Thị Nâu ngày 23/10/2014 trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ bà Trịnh Thị B lập ngày 02/10/2014 là đúng quy định pháp luật. Năm 2017 bà B có tranh chấp về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà B và ông Bé. Tuy nhiên, tranh chấp trên đã được Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết tại Bản án số 184/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách và Bản án phúc thẩm số 95/2019/DS-PT ngày 25/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, kết quả không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Do đó, bà N, ông B là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất này; nhưng bà T và chồng là Ông Nguyễn Văn M lại vào chiếm hai phần của thửa đất 455 gồm thửa 455 tách 2 (diện tích 264,7m²) và 455 còn lại (diện tích 430,8m²) để canh tác, làm hàng rào và xây nhà kho; còn Bà Trần Thị P, các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S thì có hành vi ngăn cản, chửi bới không cho bà N, ông B vào sử dụng phần đất này.

Căn cứ theo quy định tại Điều 12 Luật Đất đai năm 2013 quy định những hành vi sau đây bị nghiêm cấm:

“ 1. Lấn, chiếm, hủy hoại đất đai....

10. Cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.”

Theo quy định trên, hành vi cản trở, gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Điều 166 Luật đất đai năm 2013 quy định về Quyền chung của người sử dụng đất:

“ 1. Được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất....

5. Được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình.

7. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về những hành vi vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của mình và những hành vi khác vi phạm pháp luật về đất đai.”

Ông Bê, bà Nâu được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 455, tờ bản đồ số 28; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không bị ai có ý kiến hay khiếu nại. Bị đơn cho rằng việc ông Bê và bà Nâu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dựa trên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Bê và nguyên đơn là không tự nguyện. Tuy nhiên, nội dung này như phân tích nêu trên thì đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực của Tòa án. Do đó, hành vi của bị đơn vào đất xây dựng, trồng cây mà không được sự đồng ý của nguyên đơn là xâm phạm đến quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

Vì vậy việc bà N, ông B yêu cầu Tòa án buộc bà T, ông M và Bà Trần Thị P, các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S phải tự tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình kiến trúc và cây trồng trên thửa đất 455, tờ bản đồ số 28, xã Long Thới, huyện Chợ Lách để giao trả lại toàn bộ thửa đất này cho ông, bà sử dụng; đồng thời yêu cầu bà T, ông M và Bà Trần Thị P, các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S phải chấm dứt hành vi chửi bới, ngăn cản ông bà sử dụng thửa đất này là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2] Thấy rằng, hiện tại chỉ có bà T, ông M là người đang chiếm giữ, canh tác hai phần của thửa đất 455 [(gồm thửa 455 tách 2 (diện tích 264,7m²) và 455 còn lại (diện tích 430,8m²)] nên buộc bà T, ông M phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại quyền sử dụng đất cho bà N, ông B.

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách thể hiện trên phần tranh chấp gồm có:

Về cây: Măng cụt loại 1 (15 năm tuổi) có 01 cây; Mít loại 4 (02 năm tuổi) có 15 cây; Vú sữa loại 4 có 02 cây; Nhãn loại 3 có 01 cây; Xoài mới trồng (dưới 01 năm tuổi) có 01 cây;

Về công trình, vật kiến trúc trên đất gồm có: Nhà kho kết cấu khung thép, vách tole tráng kẽm, mái lợp tole tráng kẽm, không trần; Hàng rào chôn trụ đá và kéo lưới B40, hàng rào có chiều dài 33m, cao 1,5m, diện tích 49,5m².

Trong số các cây trồng ghi nhận được có cây măng cụt đã có sẵn trên đất khi bà N, ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc quyền

sở hữu của bà N, ông B. Trong quá trình giải quyết vụ án, khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ cũng như định giá tài sản đối với phần đất có tranh chấp thì bị đơn có hành vi ngăn cản, kéo hàng rào không cho cán bộ Tòa án cũng như hội đồng định giá tiếp cận phần đất tranh chấp. Do đó, việc ghi nhận về những tài sản trên đất được thực hiện từ bên ngoài nhìn vào phần đất. Việc bà T, ông M vào sử dụng đất là trái với quy định pháp luật, do đó nếu có phát sinh cây trồng và vật kiến trúc hay bất kỳ công trình nào trên đất đều phải tự tháo dỡ, di dời toàn bộ và bà N, ông B không phải bồi thường, hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời.

Ngoài ra bà T, ông M và Bà Trần Thị P, các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thành S còn có hành vi cản trở không cho bà N, ông B vào đất canh tác và thực hiện quyền của người sử dụng đất nên cần buộc những người này phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà N, ông B đối với thửa đất số 455, tờ bản đồ số 28, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của các bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Các ông bà Trần Thị Tím; ông Trần Thành Điệp, Trần Thị Phiêu, Trần Thành Mai, Trần Thành Lộc, Trần Thành Như được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn gồm các ông bà: Trần Thị T, Trần Thị P, Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 188/2022/DS-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 157, 165, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 và Điều 203 của Luật đất đai 2013;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị N, Ông Võ Văn B đối với Bà Trần Thị T, Ông Nguyễn Văn M, Bà Trần Thị P, các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S về việc “Đòi lại tài sản và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất”.Cụ thể:

1.1. Buộc Bà Trần Thị T và Ông Nguyễn Văn M phải tháo dỡ, di dời toàn bộ nhà kho (kết cấu khung thép, vách tole tráng kẽm, mái lợp tole tráng kẽm, không trần), hàng rào trụ bê tông gắn lưới B40 và búng, di dời toàn bộ cây trồng (gồm Mít loại 4 (02 năm tuổi): 15 cây; vú sữa loại 4: 02 cây; Nhãn loại 3: 01 cây; Xoài mới trồng (dưới 01 năm tuổi): 01 cây) và búng, tháo dỡ, di dời toàn bộ các cây trồng, hoa màu, cây kiểng khác (trừ cây măng cụt loại 1: 15 năm tuổi) và các vật kiến trúc, công Tnh khác (nếu có) trên hai phần của thửa đất số 455, tờ bản đồ số 28, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre [(gồm thửa 455 tách 2 (diện tích 264,7m²) và 455 còn lại (diện tích 430,8m²)] để trả lại quyền sử dụng các phần đất này cho Bà Trần Thị N và Ông Võ Văn B.

Có họa đồ kèm theo.

1.2. Buộc Bà Trần Thị T, Ông Nguyễn Văn M, Bà Trần Thị P, các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của Bà Trần Thị N và Ông Võ Văn B đối với thửa đất số 455, tờ bản đồ số 28, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc các bị đơn Bà Trần Thị T, Ông Nguyễn Văn M, Bà Trần Thị P, các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Bà Trần Thị N và Ông Võ Văn B số tiền chi phí tố tụng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1 Án phí sơ thẩm:

- Các bị đơn Bà Trần Thị T, Ông Nguyễn Văn M, Bà Trần Thị P, các Ông Trần Thành M, Trần Thành L, Trần Thành Đ, Trần Thành N, Trần Thanh S được miễn án phí.

- Hoàn trả lại cho Bà Trần Thị N và Ông Võ Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0007234 ngày 23/4/2021 và số 0006950 ngày 09/06/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3.2. Án phí phúc thẩm: Các ông bà Trần Thị Tím ; ông Trần Thành Điệp , Trần Thị Phiêu, Trần Thành Mai, Trần Thành Lộc, Trần Thành Như được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lương